

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ

Số 6, Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ

Số 6, Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện Cơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 từ trang 6 đến trang 30 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Khanh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Quốc Việt	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Khanh	Giám đốc
Ông Lê Thanh Điệp	Phó Giám đốc
Ông Võ Ánh Dương	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Hoàng Chí Khương	Trưởng ban
Ông Lương Văn Trung Nghĩa	Thành viên
Bà Dương Thị Thanh Mai	Thành viên

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập báo cáo ngày là Ông Vũ Huy Chiến.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Khanh

Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Số: 13/2015/UHYACA HCM - BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện Cơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Cơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09 tháng 03 năm 2015, trình bày từ trang 06 đến trang 30 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện Cơ tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2015

Nguyễn Xuân Dũng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1494-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		114.004.515.821	101.205.691.184
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.433.340.947	17.631.629.768
Tiền	111	4	16.433.340.947	17.631.629.768
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.566.676.233	32.550.048.004
Phải thu khách hàng	131		36.742.912.412	28.845.332.523
Trả trước cho người bán	132		2.517.305.414	4.996.231.228
Các khoản phải thu khác	135	5	302.450.927	368.983.536
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.995.992.520)	(1.660.499.283)
Hàng tồn kho	140	6	61.017.515.885	49.764.567.578
Hàng tồn kho	141		61.032.644.319	49.913.150.874
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.128.434)	(148.583.296)
Tài sản ngắn hạn khác	150		986.982.756	1.259.445.834
Thuế GTGT được khấu trừ	152		648.846.475	1.141.776.469
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	7	187.586.281	1.579.365
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	150.550.000	116.090.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.754.632.357	20.230.172.576
Tài sản cố định	220	9	4.271.027.653	5.067.705.695
Tài sản cố định hữu hình	221		4.271.027.653	5.067.705.695
- Nguyên giá	222		23.194.561.223	22.805.355.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.923.533.570)	(17.737.649.528)
Bất động sản đầu tư	240	10	8.115.170.913	8.622.369.093
- Nguyên giá	241		12.679.954.545	12.679.954.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(4.564.783.632)	(4.057.585.452)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		160.000.000	160.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258	11	160.000.000	160.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		6.208.433.791	6.380.097.788
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.972.124.109	6.058.616.572
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		88.759.682	88.759.682
Tài sản dài hạn khác	268		147.550.000	232.721.534
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		132.759.148.178	121.435.863.760

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		81.287.629.712	70.507.593.062
Nợ ngắn hạn	310		81.287.629.712	70.507.593.062
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	20.189.143.629	18.950.650.441
Phải trả người bán	312		48.276.181.767	35.153.666.802
Người mua trả tiền trước	313		7.014.201.180	8.911.788.531
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	644.658.302	976.596.546
Phải trả người lao động	315		1.151.274.875	1.817.766.996
Chi phí phải trả	316		174.200.000	591.347.282
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	3.811.630.915	3.902.421.469
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		26.339.044	203.354.995
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		51.471.518.466	50.928.270.698
Vốn chủ sở hữu	410	16	51.471.518.466	50.928.270.698
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		37.802.980.000	37.802.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.083.600.000	1.083.600.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.387.013.966	1.387.013.966
Quỹ đầu tư phát triển	417		4.943.549.187	4.943.549.187
Quỹ dự phòng tài chính	418		783.559.645	528.371.927
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.470.815.668	5.182.755.618
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		132.759.148.178	121.435.863.760

Người lập biểu



Ngô Nhật Minh

Kế toán trưởng



Vũ Huy Chiến

Ngày 09 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Khanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	195.211.958.823	132.884.690.747
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	195.211.958.823	132.884.690.747
Giá vốn hàng bán	11	18	168.940.581.197	106.760.871.518
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.271.377.626	26.123.819.229
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	57.925.456	89.193.475
Chi phí tài chính	22	20	1.902.871.467	1.416.013.414
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>1.885.165.604</i>	<i>1.360.838.716</i>
Chi phí bán hàng	24	21	451.084.698	512.532.825
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	18.271.073.070	17.880.337.663
	30		5.704.273.847	6.404.128.802
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				
Thu nhập khác	31	23	1.425.087.129	999.391.467
Chi phí khác	32	24	134.326.206	509.746.218
Lợi nhuận khác	40		1.290.760.923	489.645.249
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.995.034.770	6.893.774.051
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.603.220.353	1.790.019.684
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.391.814.417	5.103.754.367
 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	 70	 26	 1.426	 1.350

Ngày 09 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Ngô Nhật Minh



Vũ Huy Chiến



Nguyễn Ngọc Khanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Phương pháp gián tiếp)**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		6.995.034.770	6.893.774.051
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		1.693.082.222	1.662.942.509
Các khoản dự phòng	3		2.335.493.237	(7.700.000)
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	5		(57.925.456)	36.252.170
Chi phí lãi vay	6		1.855.165.604	1.360.838.716
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		12.820.850.377	9.946.107.446
Tăng giảm các khoản phải thu	9		(5.103.198.388)	(2.819.301.854)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(11.252.948.307)	(21.827.914.657)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		10.182.957.657	25.856.988.735
Tăng giảm chi phí trả trước	12		86.492.463	845.689.368
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.855.165.604)	(1.360.838.716)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.935.158.597)	(2.184.145.638)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		484.292.846	383.568.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(864.806.312)	(2.214.820.769)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.563.316.135	6.625.331.915
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(389.206.000)	(1.873.028.382)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	338.181.818
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.925.456	89.193.475
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(331.280.544)	(1.445.653.089)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		36.401.376.264	34.128.726.623
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35.162.883.076)	(26.706.557.556)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.668.817.600)	(5.483.987.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.430.324.412)	1.938.181.900
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.198.288.821)	7.117.860.726
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	17.631.629.768	10.513.769.042
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	16.433.340.947	17.631.629.768

Ngày 09 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Ngô Nhật Minh


 Vũ Huy Chiến


 Nguyễn Ngọc Khanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Điện Cơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hóa Xí nghiệp Điện Cơ (trực thuộc Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh) theo các Quyết định số 88/1998/QĐ-BCN ngày 31/12/1998 và số 82/1999/QĐ-BCN ngày 14/12/1999 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 056653 ngày 27/12/1999 (đăng ký thay đổi lần 12 ngày 07/02/2013) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 37.802.980.000 đồng.

Trụ sở giao dịch: Số 6, đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Gia công, chế tạo, sửa chữa phục hồi trụ điện và các phụ kiện điện, dây điện, cáp điện, thiết bị điện;
- Xây lắp và cung cấp vật tư, thiết bị cho các công trình đường dây, trạm điện và các dịch vụ khác có liên quan;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh nhà, cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng;
- Thi công lắp đặt đường dây, máy móc, trang thiết bị ngành viễn thông;
- Sản xuất, mua bán dây cáp, máy móc, trang thiết bị ngành viễn thông (trừ tái chế phế thải nhựa - kim loại);
- Thi công lắp đặt đường dây và trạm điện trên 110 KV;
- Mua bán và sửa chữa xe ô tô các loại (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng;
- Lập dự án đầu tư;
- Lập tổng dự toán và dự toán công trình;
- Giám sát thi công công trình dân dụng và công nghiệp (lắp đặt phần điện và thiết bị điện);
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Tư vấn quản lý dự án;
- Tư vấn đấu thầu
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, thí nghiệm điện kế, thiết bị đo đếm, máy biến thế và các vật tư thiết bị ngành điện./).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian dưới 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	08 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	06 - 08

3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ HAO MÒN

Bất động sản đầu tư là bất động sản được Công ty sử dụng với mục đích cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao 25 năm.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn và các khoản chi phí khác chờ phân bổ. Các chi phí thuê đất được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong suốt thời gian đi thuê. Các khoản chi phí khác được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian phát sinh khoản chi phí.

3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận và phản ánh theo giá gốc. Khi có bằng chứng về giá trị các khoản đầu tư bị giảm giá, Công ty sẽ xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho phần giá trị bị tổn thất. Trong trường hợp không có thông tin tham chiếu để xác định mức độ giảm giá của các khoản đầu tư, Công ty vẫn phản ánh giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác theo giá gốc trên Báo cáo tài chính.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.10 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)***Doanh thu hoạt động xây lắp công trình*

Doanh thu được ghi nhận tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể:

- Đối với các sản phẩm đã nghiệm thu, quyết toán toàn bộ khối lượng hoàn thành, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở xác nhận khối lượng hoàn thành, biên bản quyết toán, bàn giao sản phẩm hoàn thành, được bên A chấp nhận.
- Đối với các sản phẩm hoàn thành theo giai đoạn, doanh thu được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành quyết toán theo khối lượng thực tế.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12 NGOẠI TỆ

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2013 (“Thông tư 179”) về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá, cụ thể:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào chuyển khoản do Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.13 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 22%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ

Số 6, Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tiền mặt	1.855.813.097	1.030.292.364
Tiền gửi ngân hàng	14.577.527.850	16.601.337.404
Cộng	16.433.340.947	17.631.629.768

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Bảo hiểm xã hội	189.749.440	233.684.552
Phí sao kê thẻ Visa	15.530.730	-
Tiền phạt công trình "NHHT đường Nguyễn Văn Cừ"	14.500.000	14.500.000
Phải thu tiền trợ cấp ốm đau	19.191.964	19.191.964
Phải thu khác	63.478.793	101.607.020
Cộng	302.450.927	368.983.536

6. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Hàng mua đang đi trên đường	714.508.560	283.939.200
Nguyên liệu, vật liệu	24.471.876.908	17.581.441.637
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.204.804.617	25.717.922.015
Thành phẩm	2.275.292.629	3.529.570.896
Hàng gửi đi bán	2.366.161.605	2.800.277.126
Cộng	61.032.644.319	49.913.150.874
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(15.128.434)	(148.583.296)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	61.017.515.885	49.764.567.578

(*) Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 133.454.862 đồng là giá trị hàng tồn kho trích lập dự phòng đã bán, thanh lý trong năm.

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Thuế thu nhập cá nhân	187.586.281	1.579.365
Cộng	187.586.281	1.579.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2014	11.201.690.945	6.806.085.662	4.455.213.349	261.319.812	81.045.455	22.805.355.223
- Mua trong năm	-	337.913.000	-	51.293.000	-	389.206.000
Tại 31/12/2014	<u>11.201.690.945</u>	<u>7.143.998.662</u>	<u>4.455.213.349</u>	<u>312.612.812</u>	<u>81.045.455</u>	<u>23.194.561.223</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2014	9.159.675.151	4.740.459.278	3.577.499.022	178.970.622	81.045.455	17.737.649.528
- Khấu hao trong năm	475.758.486	483.853.823	191.498.320	34.773.413	-	1.185.884.042
Tại 31/12/2014	<u>9.635.433.637</u>	<u>5.224.313.101</u>	<u>3.768.997.342</u>	<u>213.744.035</u>	<u>81.045.455</u>	<u>18.923.533.570</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2014	<u>2.042.015.794</u>	<u>2.065.626.384</u>	<u>877.714.327</u>	<u>82.349.190</u>	<u>-</u>	<u>5.067.705.695</u>
Tại 31/12/2014	<u>1.566.257.308</u>	<u>1.919.685.561</u>	<u>686.216.007</u>	<u>98.868.777</u>	<u>-</u>	<u>4.271.027.653</u>

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2014 là: 9.609.463.363 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	63.000.000	5.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	87.550.000	111.090.000
Cộng	150.550.000	116.090.000

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Tại ngày 01/01/2014	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tại ngày 31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ	12.679.954.545	-	-	12.679.954.545
- Nhà (*)	12.679.954.545	-	-	12.679.954.545
HAO MÒN LUYỄN KẾ	4.057.585.452	507.198.180	-	4.564.783.632
- Nhà	4.057.585.452	507.198.180	-	4.564.783.632
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	8.622.369.093	-	507.198.180	8.115.170.913
- Nhà	8.622.369.093	-	507.198.180	8.115.170.913

(*) Là giá trị công trình văn phòng và nhà xưởng tại số 06 đường 3/2, Quận 10, TPHCM với tổng diện tích xây dựng là 1.247,7 m²; diện tích sàn 3.250,2 m². Trong đó diện tích xây dựng sai phép là 872,1 m².

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2014 đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 8.115.170.913 đ.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014		Tại 01/01/2014	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
	%	VND	%	VND
Đầu tư dài hạn khác				
+ Công ty TNHH Ô Tô Kim Thanh	0,31%	160.000.000	0,31%	160.000.000
Cộng		160.000.000		160.000.000

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tiền thuê đất và phí tiện ích công cộng	5.760.695.410	5.940.695.410
Công cụ dụng cụ	58.960.578	117.921.162
Chi phí chờ phân bổ khác	152.468.121	-
Cộng	5.972.124.109	6.058.616.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	20.189.143.629	18.950.650.441
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1)	10.470.845.115	9.766.639.256
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (2)	9.718.298.514	9.184.011.185
Cộng	20.189.143.629	18.950.650.441

- (1) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Thành theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0442/TD9/13LD ngày 08/05/2013; hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 9 tháng cho từng lần rút vốn. Thời hạn rút vốn đến hết ngày 18/04/2015.
- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0246/BeT.DN/LD14 ngày 27/05/2014; hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng, thời hạn vay: 9 tháng cho từng lần rút vốn. Thời hạn rút vốn đến hết ngày 18/04/2015.

Lãi suất cho vay đối với VND theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành, thay đổi 3 tháng 1 lần/GNN.

Lãi suất cho vay đối với ngoại tệ theo thông báo tại thời điểm nhận nợ, thay đổi 3 tháng 1 lần/GNN.

Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất và nhà xưởng tại lô III, đường số 13, nhóm CN III, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Tp Hồ Chí Minh; Quyền sử dụng đất và nhà xưởng tại số 124 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

- (2) Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo hợp đồng số 083/2014/HĐTD ngày 15/08/2014; hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 9 tháng/ từng lần rút vốn. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh 1 tháng/ lần.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay bao gồm Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại số 6, Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp Hồ Chí Minh và Quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	644.658.302	976.596.546
Cộng	644.658.302	976.596.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	51.448.748	35.571.818
Kinh phí công đoàn	55.182.385	55.218.590
Bảo hiểm thất nghiệp	18.729.620	18.745.718
Phải trả tạm ứng vật tư Công ty Tân An Huy	1.147.610.055	1.147.610.055
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.538.660.107	2.645.275.288
+ Cổ tức phải trả các cổ đông	2.499.308.483	2.631.768.483
+ Hoàn nhập vật tư	24.694.819	-
+ Thu bồi thường vật tư công trình	4.456.805	4.456.805
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.200.000	9.050.000
Cộng	3.811.630.915	3.902.421.469

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**16.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là: 37.802.980.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ tám trăm lẻ hai triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng), chia thành 3.780.298 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần.

Chủ sở hữu	Theo đăng ký kinh doanh		Đã góp đến 31/12/2014 VND	Vốn góp thiếu VND
	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ %		
Công ty Điện lực TP HCM - Vốn Nhà nước	14.684.320.000	39%	14.684.320.000	-
Công ty CP Đầu tư KD Điện lực TP.HCM	5.000.000.000	13%	5.000.000.000	-
Công ty CP Siêu Thanh	2.589.000.000	7%	2.589.000.000	-
Các cổ đông khác	15.529.660.000	41%	15.529.660.000	-
Cộng	37.802.980.000	100%	37.802.980.000	-

16.2 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	37.802.980.000	37.802.980.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	37.802.980.000	37.802.980.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.668.817.600	5.483.987.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2013	37.802.980.000	1.083.600.000	1.387.013.966	4.943.549.187	1.889.757.350	5.684.201.970	52.791.102.473
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	5.103.754.367	5.103.754.367
- Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	267.210.780	(267.210.780)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.353.755.388)	(534.421.561)	(1.888.176.949)
- Chi khen thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch	-	-	-	-	-	(267.210.778)	(267.210.778)
- Chia cổ tức 2012	-	-	-	-	-	(4.536.357.600)	(4.536.357.600)
- Giảm khác	-	-	-	-	(274.840.815)	-	(274.840.815)
Tại 31/12/2013	37.802.980.000	1.083.600.000	1.387.013.966	4.943.549.187	528.371.927	5.182.755.618	50.928.270.698
Tại 01/01/2014	37.802.980.000	1.083.600.000	1.387.013.966	4.943.549.187	528.371.927	5.182.755.618	50.928.270.698
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	5.391.814.417	5.391.814.417
- Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	255.187.718	(255.187.718)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(312.209.049)	(312.209.049)
- Chia cổ tức 2013	-	-	-	-	-	(4.536.357.600)	(4.536.357.600)
Tại 31/12/2014	37.802.980.000	1.083.600.000	1.387.013.966	4.943.549.187	783.559.645	5.470.815.668	51.471.518.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**16.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	3.780.298	3.780.298
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	3.780.298	3.780.298
+ Cổ phiếu thưởng	3.780.298	3.780.298
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.780.298	3.780.298
+ Cổ phiếu thưởng	3.780.298	3.780.298
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

16.5 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.943.549.187	4.943.549.187
Quỹ dự phòng tài chính	783.559.645	528.371.927

17. DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	195.211.958.823	132.884.690.747
Trong đó:		
+ Doanh thu bán vật tư	49.577.031.272	39.182.512.531
+ Doanh thu bán thành phẩm	38.938.243.602	34.091.036.024
+ Doanh thu xây lắp	96.267.360.901	45.573.516.646
+ Doanh thu cho thuê xưởng	10.376.473.048	13.746.124.814
+ Doanh thu xưởng Cơ khí	52.850.000	291.500.732

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán vật tư	47.017.486.127	36.181.459.662
Giá vốn bán thành phẩm	28.878.305.539	26.206.084.255
Giá vốn hoạt động xây lắp	88.151.697.510	39.356.767.910
Giá vốn cho thuê xưởng	4.858.309.907	4.840.351.264
Giá vốn xưởng cơ khí	34.782.114	176.208.427
Cộng	168.940.581.197	106.760.871.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.925.456	73.193.475
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.000.000	16.000.000
Cộng	57.925.456	89.193.475

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	1.855.165.604	1.360.838.716
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	47.705.863	55.174.698
Cộng	1.902.871.467	1.416.013.414

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí hoa hồng môi giới	451.084.698	512.532.825
Cộng	451.084.698	512.532.825

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.699.271.307	12.774.138.878
Chi phí vật liệu quản lý	1.086.907.046	1.103.950.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	406.646.198	380.056.112
Thuế phí, lệ phí	90.486.500	279.016.727
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.335.493.237	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.022.998.402	809.742.162
Chi phí bằng tiền khác	4.629.270.380	2.533.433.294
Cộng	18.271.073.070	17.880.337.663

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý tài sản cố định, bán vật tư	-	338.181.818
Hoàn nhập vật tư công trình	1.309.931.621	-
Hàng tồn kho thừa trong kiểm kê	71.309.582	-
Thu nhập từ khoản tiết kiệm vật tư	-	35.859.422
Thu bồi thường vật tư	-	3.739.706
Thu nhập khác	43.845.926	621.610.521
Cộng	1.425.087.129	999.391.467

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Phạt hành chính	6.900.000	-
Thanh lý tài sản cố định, bán vật tư	-	463.627.463
Tiền phạt công trình	97.076.524	-
Chi phí khác	30.349.682	46.118.755
Cộng	134.326.206	509.746.218

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.995.034.770	6.893.774.051
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	292.330.472	266.304.683
+ Các khoản điều chỉnh tăng	308.330.472	282.304.683
+ Các khoản điều chỉnh giảm	16.000.000	16.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	7.287.365.242	7.160.078.734
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành	1.603.220.353	1.790.019.684
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.603.220.353	1.790.019.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	5.391.814.417	5.103.754.367
Số điều chỉnh giảm	-	-
<i>Loại CLTG chưa thực hiện</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.391.814.417	5.103.754.367
Số cổ phiếu bình quân	3.780.298	3.780.298
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.426	1.350

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

TÀI SẢN ĐẢM BẢO***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG***Rủi ro về giá***

Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, Công ty chịu rủi ro về giá nếu yếu tố giá đầu vào của các nguyên liệu, hàng hóa biến động. Công ty chưa thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro do thị trường mua các công cụ tài chính này chưa phổ biến.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay có lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty. Công ty chưa có chính sách tín dụng nhưng có thực hiện theo dõi tình hình công nợ đối với các khách hàng phát sinh giao dịch lớn và thường xuyên để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không chịu rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán đã được thỏa thuận. Bảng trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Nợ phải trả tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2014			
Phải trả cho người bán	48.276.181.767	-	48.276.181.767
Vay và nợ	20.189.143.629	-	20.189.143.629
Các khoản phải trả khác	2.664.020.860	1.147.610.055	3.811.630.915
Cộng	71.129.346.256	1.147.610.055	72.276.956.311
Nợ phải trả tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2014			
Phải trả cho người bán	35.153.666.802	-	35.153.666.802
Vay và nợ	18.950.650.441	-	18.950.650.441
Các khoản phải trả khác	2.754.811.414	1.147.610.055	3.902.421.469
Cộng	56.859.128.657	1.147.610.055	58.006.738.712

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, phần lớn tài sản tài chính của Công ty là tài sản có thể thu hồi trong vòng 1 năm (ngoại trừ khoản phải thu quá hạn thanh toán là 5.143.602.575 đồng). Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ các khoản doanh thu xây lắp thường quyết toán vào thời điểm cuối năm và thu nhập trong tương lai để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2014			
Tiền	16.433.340.947	-	16.433.340.947
Phải thu khách hàng	31.599.309.837	5.143.602.575	36.742.912.412
Đầu tư dài hạn	-	160.000.000	160.000.000
Các khoản phải thu khác	302.450.927	-	302.450.927
Cộng	48.335.101.711	5.303.602.575	53.638.704.286
Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Tại 01/01/2014			
Tiền	17.631.629.768	-	17.631.629.768
Phải thu khách hàng	27.184.833.240	-	27.184.833.240
Đầu tư dài hạn	-	160.000.000	160.000.000
Các khoản phải thu khác	368.983.536	-	368.983.536
Cộng	45.185.446.544	160.000.000	45.345.446.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động tư vấn khảo sát thiết kế, gia công cơ khí và hoạt động xây lắp.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Năm 2014	Bán vật tư	Bán thành phẩm	Xây lắp	Cho thuê và hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	49.577.031.272	38.938.243.602	96.267.360.901	10.429.323.048	195.211.958.823
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.577.031.272	38.938.243.602	96.267.360.901	10.429.323.048	195.211.958.823
Chi phí bộ phận	47.017.486.127	28.878.305.539	88.151.697.510	4.893.092.021	168.940.581.197
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.559.545.145	10.059.938.063	8.115.663.391	5.536.231.027	26.271.377.626
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					18.722.157.768
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					7.549.219.858
Doanh thu hoạt động tài chính					57.925.456
Chi phí tài chính					1.902.871.467
Thu nhập khác					1.425.087.129
Chi phí khác					134.326.206
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.603.220.353
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					5.391.814.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP)**

Năm 2013	Bán vật tư	Bán thành phẩm	Xây lắp	Cho thuê và hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	39.182.512.531	34.091.036.024	45.573.516.646	14.037.625.546	132.884.690.747
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39.182.512.531	34.091.036.024	45.573.516.646	14.037.625.546	132.884.690.747
Chi phí bộ phận	36.181.459.662	26.206.084.255	39.356.767.910	5.016.559.691	106.760.871.518
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.001.052.869	7.884.951.769	6.216.748.736	9.021.065.855	26.123.819.229
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					18.392.870.488
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					7.730.948.741
Doanh thu hoạt động tài chính					89.193.475
Chi phí tài chính					1.416.013.414
Thu nhập khác					999.391.467
Chi phí khác					509.746.218
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.790.019.684
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					5.103.754.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***29. CÁC THÔNG TIN KHÁC****29.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Theo đó, giao dịch với bên liên quan của Công ty Cổ phần Điện cơ cụ thể như sau:

Thu nhập của Ban lãnh đạo

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng thu nhập của Ban giám đốc	689.588.728	1.229.198.821
- Lương và phụ cấp	689.588.728	1.229.198.821
Thù lao Hội đồng Quản trị	100.000.000	113.896.183
Thù lao Ban Kiểm soát	80.000.000	85.500.000

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu với các bên liên quan	127.633.255.186	88.955.615.402
- Bán hàng, cung cấp dịch vụ cho Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	121.831.098.139	84.247.698.891
- Bán hàng cung cấp dịch vụ cho Công ty CP Đầu Tư KD Điện Lực TP.HCM	783.600.547	649.653.000
- Công ty TNHH Ô tô Kim Thanh	5.018.556.500	4.058.263.511

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Phải thu với các bên liên quan	21.574.995.797	15.590.320.292
Phải thu khách hàng		
- Phải thu Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	21.511.673.259	14.350.522.707
- Phải thu Công ty CP Đầu Tư KD Điện Lực TP.HCM	63.322.538	1.239.797.585
Các khoản phải trả	3.346.007.037	82.825.710
Người mua trả tiền trước		
- Phải trả Công ty Điện lực TP. Hồ Chí Minh	3.346.007.037	82.825.710

29.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh làm trụ sở và nhà xưởng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại số 6 đường 3-2, phường 15, quận 11, nằm phía ngoài, khoảng 2.565,4 m² - thời hạn thuê đến ngày 17/03/2056. Giấy chứng nhận QSDĐ số AD-409298 do GPĐ Sở TNMT ký ngày 03/04/2006.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**29.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**

- Quyền sử dụng đất tại số 6 đường 3-2, phường 15, quận 11, nằm phía ngoài, khoảng 1.413m² - thời hạn thuê đến ngày 17/03/2056. Giấy chứng nhận QSDĐ số AK-387441 do GD Sở TNMT ký ngày 22/10/2007.
- Quyền sử dụng đất tại tại Lô III 19 đường số 13, khu công nghiệp Tân Bình, Phường 15, quận Tân Bình. Thời hạn thuê đến ngày 17/06/2047. Giấy chứng nhận QSDĐ số T-994333 do PCT UBND TP.HCM ký 14/11/2001.
- Quyền sử dụng đất tại tại số 124 Tô Ký, phường Tân Chánh Hiệp Q.12 – TP.HCM. Thời hạn thuê đến ngày 17/06/2047. Giấy chứng nhận QSDĐ số T-994333 do PCT UBND TP.HCM ký 14/11/2001.

29.3 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

29.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

29.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

29.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 09 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Ngô Nhật Minh



Vũ Huy Chiến



Nguyễn Ngọc Khanh